

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 11-9-2019

V/v Ly hôn; nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Bằng Công Hiệp

2. Bà Dương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Thu Thủy
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2019/QĐXX-PT ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lục Thị Đ, sinh năm 1982. (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Ngọc M, sinh năm 1982. (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn T. Vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người kháng cáo: Anh Hoàng Ngọc M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lục Thị Đ trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Ngọc M năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Lục Như H1, sinh ngày 21/5/2007 và Hoàng Mạnh H2, sinh ngày 19/02/2013; chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Hoàng Mạnh H2 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung:

Vợ chồng có những tài sản chung gồm:

01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA TARUS, biển kiểm soát 97F9 – 2295, đăng ký mang tên Hoàng Ngọc M, giá trị xe còn lại là 5.000.000 đồng.

01 xe máy nhãn hiệu WAY RS, biển kiểm soát 20E1 – 167.38, đăng mang tên Hoàng Ngọc M, giá trị xe còn lại là

01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, biển kiểm soát 20E1 – 202.21, đăng ký xe mang tên Lục Thị Đ, giá trị còn lại là 20.000.000 đồng.

01 máy vi tính nhãn hiệu Asus, giá trị còn lại là 3.000.000 đồng.

01 máy cửa lọc, giá trị còn lại là 5.000.000 đồng.

Năm 2013 vợ chồng có trồng được 0,7ha rừng keo trên đất của bố mẹ anh M.

Về nợ chung:

Năm 2014 vợ chồng có vay của anh Hoàng Hữu M2 tại xóm Đ, Y số tiền 50.000.000 đồng; năm 2015 vay của Ngân hàng BIDV C, tỉnh B số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Đ không yêu cầu chia tài sản chung. Chị Đ tự chịu trách nhiệm trả số tiền chị đã vay tại Ngân hàng BIDV C, B, không yêu cầu anh M trả khoản nợ này và Ngân hàng BIDV C cũng nhất trí với ý kiến chị Đ.

Bị đơn (anh Hoàng Ngọc M) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí với lời trình bày của chị Đ về thời gian và điều kiện kết hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị Đ trình bày, trường hợp chị Đ nhất quyết xin ly hôn thì anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, vì chị Đ nuôi dưỡng không đảm bảo.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, anh M không yêu cầu chia tài sản chung.

Ông Hoàng Văn T trình bày:

Việc chị Đ và anh M ly hôn, ông không có ý kiến gì.

Về tài sản: Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, biển kiểm soát 20E1 – 202.21 là ông đưa tiền cho chị Đ và anh M đi mua, nếu chị Đ muốn sử dụng thì phải trả ông số tiền 34.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông M không yêu cầu chị Đ trả lại ông số tiền 34.000.000 đồng ông đã đưa cho vợ chồng anh M, chị Đ mua xe vì chị Đ không yêu cầu lấy lại chiếc xe nói trên.

Ông không đồng ý giao cháu H2 (là con chung của chị Đ và anh M) cho chị Đ nuôi dưỡng, vì ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 từ bé.

Với nội dung trên, tại bản án số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39; 238; 244; 266 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 14, 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lục Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Lục Như H1, sinh ngày 21/5/2007 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Hoàng Mạnh H2, sinh ngày 19/02/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn góp phí tồn nuôi con chung cho anh M và chị Đ vì các bên không yêu cầu. Anh M và chị Đ được quyền đi lại thăm con chung.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung giữa chị Lục Thị Đ và anh Hoàng Ngọc M.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2019 bị đơn anh Hoàng Ngọc M có đơn kháng cáo có nội dung: Anh M là người nuôi cả hai con chung từ nhỏ, chị Đ đã bỏ con từ 04 tháng tuổi, con Hoàng Lục Như H1 Đ đánh đập dã man, xâm phạm đến tính mạng, phẩm chất của con và có lối sống đồ trụy không đủ điều kiện để nuôi con. Anh M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh M làm trong hạn luật định, đã nộp đủ phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Hoàng Ngọc M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Án sơ thẩm đã Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lục Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Ngọc M.

Sau khi xét xử sơ thẩm hai bên đã nhất trí nội dung này, không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Chị Đ và anh M có 02 con chung là cháu Hoàng Lục Như H1, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Hoàng Mạnh H2, sinh ngày 19/02/2013.

Xét về điều kiện, khả năng chăm sóc con chung của anh Hoàng Ngọc M và chị Lục Thị Đ. Cả hai người đều có đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo chăm sóc con

chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên và giao cháu Hoàng Lục Như H1, sinh ngày 21/5/2007 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Hoàng Mạnh H2, sinh ngày 19/02/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi của con chung khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M cũng không đưa ra được căn cứ, tài liệu phản ánh về việc chị Đ không đủ về điều kiện chăm sóc con chung. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo được nuôi cả con chung của anh M Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo xin nuôi cả hai con của anh Hoàng Ngọc M, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07 ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Hoàng Ngọc M, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39; 238; 244; 266 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 14, 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lục Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Lục Như H1, sinh ngày 21/5/2007 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Hoàng Mạnh H2, sinh ngày 19/02/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn góp phí tổn nuôi con chung cho anh M và chị Đ vì các bên không yêu cầu. Anh M và chị Đ được quyền đi lại thăm con chung.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung giữa chị Lục Thị Đ và anh Hoàng Ngọc M.

4. Về án phí: Buộc chị Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0018511 ngày 06/12/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Hoàng Ngọc M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào khoản tiền 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018848 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương